TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2020
"*V/v yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Lành

2. Bà Đoàn Thị Bích Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc "*Yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Huyền T

Địa chỉ: Thôn Ngô Sơn, xã Chư Đăng Ya, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc T

Nơi ĐKHKTT: Thôn 1, xã Biển Hồ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú hiện nay: Số 83 đường Đào Duy Từ, thôn 1, xã Tân Sơn, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Huỳnh Thị Huyền T trình bày:

Chị và anh Trần Quốc T đăng ký kết hôn từ ngày 25-12-2012 tại Ủy ban nhân dân xã C (nay đã nhập vào xã C2), huyện C3, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hiện nay, hai vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Chị và anh Trung có 01 con chung là cháu Trần Huỳnh Đình K, sinh ngày 30-12-2013. Chị T có nguyện vọng là muốn được nuôi con và không yêu cầu anh Trung phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với anh Trần Quốc T. Tuy nhiên, anh Trung không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy, anh T không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Huỳnh Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Quốc T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Trần Quốc T có nơi cư trú tại số 83 đường Đ, thôn 1, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Chị Huỳnh Thị Huyền T và anh Trần Quốc T đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T trình bày thì trong thời gian chung sống với nhau hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

[3] Xét tình cảm giữa chị T và anh T không còn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Hơn nữa, khi mâu thuẫn, bất đồng xảy ra thì không bên nào đưa ra được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, làm cơ sở cho việc đoàn tụ. Tòa án cũng đã triệu tập anh T để tiến hành hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ và để giải quyết vụ án nhưng anh Trung không đến Tòa án để trong quá trình giải quyết. Như vậy, anh Tg đã không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng cũng như việc xây dựng gia đình với chị T.

Từ nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ.

[4] Chị Huỳnh Thị Huyền T và anh Trần Quốc T có 01 con chung là cháu Trần Huỳnh Đình K, sinh ngày 30-12-2013. Chị T có nguyện vọng là muốn được nuôi con và không yêu cầu anh Trung phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét hiện tại cháu K còn nhỏ đang sống chung với chị T nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu K cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không đề cập.

[6] Về tài sản chung và nợ chung, chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Chị Huỳnh Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Huyền T.

1. Cho chị Huỳnh Thị Huyền T được ly hôn anh Trần Quốc T.

2. Giao cháu Trần Huỳnh Đình K, sinh ngày 30-12-2013 cho chị Huỳnh Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

3. Chị Huỳnh Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005018 ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Như vậy, chị Trang đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã C2, H. C3, Gia Lai;
(GCNKH số 09/2012; Quyển 01);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Rmah HThuyên